

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20/ 3/2019

V/v “Tuyên bố không công
nhận vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Lục.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Lưu Danh Sử.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 /3/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số quyết vụ án dân sự thụ lý số: 248/2018/TLST – HN&GD ngày 4 tháng 12 năm 2018 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 18/2/2019, Q định hoãn phiên tòa số 01 ngày 05/3/2019 về việc “Tuyên bố không công nhận vợ chồng” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị K, sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp : Công nhân.

Bị đơn: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Nghề nghiệp : Làm ruộng.

Chị K vắng mặt (đã có đơn xin xử vắng mặt) , anh K vắng mặt (đã triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2018 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại các biên bản hòa giải, chị Bùi Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn K chung sống với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau đó hai vợ chồng sinh sống tại thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Cuộc sống hạnh phúc được khoảng 26 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K

nghe nghi ngờ chị K có quan hệ với người khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau, đánh nhau, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không thể hàn gắn. Thực tế chị và anh K đã ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị K đề nghị Tòa án giải Q ly hôn với anh Bùi Văn K.

Về con chung: Chị K và anh K có 02 con chung là cháu Bùi Xuân Q, sinh ngày 02/2/1990 và cháu Bùi Văn T, sinh ngày 07/9/1994, hiện hai cháu đã trưởng thành, có thể tự lập được cuộc sống nên chị K không yêu cầu giải Q.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị K xác định chị và anh K sẽ tự thỏa thuận việc chia tài sản.

* **Bị đơn anh Bùi Văn K:** Tại bản tự khai ngày 13/12/2018 và biên bản hòa giải ngày 13 tháng 12 năm 2018 anh K trình bày:

- **Về tình cảm:** Anh K xác nhận về thời gian kết hôn là đúng như chị K trình bày nhưng hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã mất, sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã không còn lưu trữ. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh xác định vợ chồng anh có mâu thuẫn trong cuộc sống như chị K trình bày. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tình cảm. Về tình cảm giữa anh và chị K không còn, anh đề nghị Tòa án tuyên bố anh và chị K không phải là vợ chồng.

- **Về con chung:** Anh xác định vợ chồng có 02 con chung đúng như chị K đã trình bày. Quan điểm của anh hiện nay các con chung đã trưởng thành tự lập nên không phải có trách nhiệm cấp dưỡng.

- **Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác:** Anh K xác định cũng như chị K là tự chia và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của hai người vào buổi hòa giải lần sau.

Sau phiên hòa giải ngày 13/12/2018, đến ngày 11/1/2019 Tòa án tiếp tục hòa giải về tài sản giữa các đương sự nhưng chỉ có chị K có mặt còn anh K vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Nghị Q 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000). Các Điều 27 ; 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị K. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị K và anh Bùi Văn K.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị K phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu tuyên bố không công nhận là vợ là chồng giữa chị Bùi Thị K và anh Bùi Văn K, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Căn cứ vào quy định của Pháp luật đến ngày 18/2/2019 Tòa án nhân dân huyện N đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của các đương sự, chị K và anh K có đăng ký kết hôn vào tháng 01 năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N nhưng hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã mất không còn lưu giữ. Sau khi kết hôn chị K và anh K sống chung với nhau tại thôn Q, xã Q, huyện N, thời gian vợ chồng sống chung hạnh phúc với nhau khoảng 26 năm thì phát sinh mâu thuẫn trong tình cảm giữa hai người, cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn. Chị K và anh K đã ly thân từ tháng 03/2018 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa.

Từ kết quả xác minh theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N thì chị K và anh K có đăng ký kết hôn nhưng khi kiểm tra thì không còn lưu trong hồ sơ. Vì vậy không đủ cơ sở pháp lý để khẳng định là hai người có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử không tuyên bố xử ly hôn mà tuyên bố không công nhận chị K và anh K là vợ chồng để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng các Điều 9,14,16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Nghị Q 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị K và anh K có 02 con chung là cháu Bùi Xuân Q, sinh ngày 02/2/1990 và cháu Bùi Văn T, sinh ngày 07/9/1994, hiện hai cháu đã trưởng thành, có thể tự lập được cuộc sống nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Trong quá trình giải quyết chị K rút yêu cầu chia tài sản chung và công nợ, chị chỉ đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu về tình cảm với anh K. Xét đề nghị của chị K cũng như anh K là sự tự nguyện phù hợp với quy định của Pháp luật nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung và công nợ chung. Nếu sau này chị K và anh K có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

5. Về án phí : Chị K phải nộp theo quy định của Pháp luật, chị K đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 9, 14, 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000). Các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326//UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị K. Tuyên bố không công nhận chị Bùi Thị K và anh Bùi Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung : Không giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung và diện tích canh tác: Không giải quyết

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị K phải nộp 300.000 đồng, chị K đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số: 0000972 ngày 4/ 12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án xử sơ thẩm công khai chị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- Dương sự;
- UBND xã Q
- Lưu/.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Minh Lực

